ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐAK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	B-20
Số :379/2000/QĐ-UB	*Buôn Ma Thuột, ngày 27 tháng* 12 *năm* 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAK LĂK
V/v thu và sử dụng học phí trong trường học

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAK LĂK

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp được Quốc hội thông qua ngày 2-6-1999;

- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước được Quốc hội thông qua ngày 20-3-2000;

- Căn cứ Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg, ngày 31-3-2000 của Thủ tướng Chính phủ, về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ Thông tư số 36/TT-LB, ngày 23-6-1997 của Liên Bộ Tài chính-Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn mức chi cho công tác ra đề thi và tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi và thi tốt nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 54/TTLT- BGD&ĐT-TC, ngày 31-8-1998 và Thông tư số 34/1999/TTLT- BGD&ĐT-TC, ngày 27-8-1999 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo- Tài chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 31/1998/NQ-HĐ, ngày 24-7-1998, Nghị quyết số 14/2000/NQ-HĐ của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk, khoá VI, kỳ họp thứ 2;

Xét biên bản họp liên ngành ngày 21-8-2000 do Ban Tổ chức chính quyền tỉnh chủ trì; công văn số 970/CV-TC-HCSN, ngày 20-9-2000 của Sở Tài chính- Vật giá; công văn số 1034/CV-TP, ngày 01-11-2000 của Sở Tư pháp và tình hình thực tế phát triển giáo dục ở địa phương,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Mức thu học phí đối với mỗi học sinh thuộc các ngành học, cấp học trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk như sau:

1- Mức thu học phí đối với học sinh các trường quốc lập, bán công:

Đơn vị tính: Đồng/học sinh/tháng

STT	HỆ GIÁO DỤC	ĐỐI TƯỢNG THU							
		NHÀ TRẺ MẪU GIÁO	NHÀ TRẺ MẪU GIÁO BÁN TRÚ	TIỂU HỌC	TRUNG HỌC CƠ SỞ	PHỔ THÔNG TRUNG HỌC	DẠY NGHỀ	TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP	HƯỚNG NGHIỆP
01	Hệ quốc lập	*Thực hiện theo QĐ số 3118/QĐ-UB, ngày 27/12/2000 của UBND tỉnh			10.000	15.000	56.000	50.000	5.000
02	Hệ bán công (bao gồm các hệ BTVH)	30.000	50.000	40.000	50.000	68.000			

2- Đối tượng miễn, giảm thu học phí:

2.1. <u>Miễn thu học phí cho các đối tượng</u>:

a/ Học sinh đang học bậc tiểu học hệ công lập.

b/ Học sinh là con liệt sỹ.

c/ Học sinh là anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động; thương binh.

d/ Học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh, con của những người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 61- 80%.

đ/ Học sinh có cha mẹ thường trú tại vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh (trừ học sinh có hộ khẩu thường trú tại thành phố, thị trấn; học sinh học ở các trường ngoài công lập; học sinh học ở các Trung tâm giáo dục thường xuyên).

h/ Học sinh bị tàn tật mà khả năng lao động bị suy giảm từ 21% trở lên do tàn tật, được Hội đồng Giám định y khoa xác nhận và gặp khó khăn về kinh tế.

i/ Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

k/ Học sinh thuộc đối tượng tuyển chọn ở các trường dự bị đại học dân tộc, trường phổ thông dân tộc nội trú theo chỉ tiêu Nhà nước giao, trường dạy nghề cho người tàn tật, trường khuyết tật (thiểu năng).

h/ Học sinh mà gia đình (gia đình cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng) thuộc diện đói theo quy định hiện hành của Nhà nước.

m/ Học sinh dân tộc ít người có hộ khẩu thường trú ở khu vực II, III đang học ở các trường bán công, các trường mầm non.

2.2. Giảm 50% mức học phí cho các đối tượng:

a/ Học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 21- 60%.

b/ Học sinh là con của CBCNVC mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.

c/ Học sinh có gia đình (gia đình cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng) thuộc hộ nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d/ Học sinh dân tộc thiểu số ít người có hộ khẩu ở khu vực I đang học các trường bán công, trường mầm non.

Điều 2: Quy định mức hỗ trợ công tác quản lý và điều tiết chung thuộc ngành giáo dục- đào tạo từ tổng số thu các khoản thu học phí của hệ công lập (trừ học phí ngành học mầm non), như sau:

1- Mức thu điều tiết từ tổng số thu các khoản thu học phí của hệ công lập (trừ học phí ngành học mầm non) để hỗ trợ công tác quản lý và điều tiết chung thuộc ngành giáo dục- đào tạo: 15 %/tổng số thu.

2- Định mức chi cho hỗ trợ công tác quản lý và điều tiết chung thuộc ngành giáo dục- đào tạo:

2.1. Trích 2% chi quản lý phí.

2.2. Trích 3% chi hỗ trợ khen thưởng cán bộ, giáo viên, học sinh có thành tích cao trong phong trào thi đua giảng dạy, học tập.

2.3. Trích 5% chi trợ cấp cho cán bộ giáo viên ở các trường đặc biệt khó khăn thuộc khu vực III, mức hỗ trợ không quá 100.000đ/người/tháng.

2.4. Trích 5% chi trợ cấp cho cán bộ Sở Giáo dục- Đào tạo, các Phòng Giáo dục- đào tạo, Ban Nghiên cứu giáo dục học sinh dân tộc (Sở Giáo dục- Đào tạo), nhưng không vượt quá 30% lương ngạch bậc hưởng theo mức bình quân chung.

3- Việc thu nộp và sử dụng học phí được thực hiện qua Kho Bạc Nhà nước theo đúng quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 3: Đối với các trường bán công:

1- Để đảm bảo đủ nguồn kinh phí trả lương giáo viên, ngân sách Nhà nước sẽ hỗ trợ 25% tiền lương theo định biên quy định.

2- Cán bộ, giáo viên trường bán công được trợ cấp theo mức bình quân 100.000đ/người/tháng (thực hiện 9 tháng trong năm).

Điều 4: Giao cho Giám đốc Sở Tài chính- Vật giá phối hợp với Giám đốc Sở Giáo dục- Đào tạo hướng dẫn các cơ sở trường học tổ chức việc thu, chi và quản lý việc thu chi theo đúng quy định tại Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg, ngày 31-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 36/TT-LB, ngày 23/6/1997 và Thông

tư số 54/1998/TT-LT- BGD&ĐT-TC, ngày 31/8/1998 của liên Bộ Giáo dục- Đào tạo và Tài chính.

Điều 5: Các ông Chánh văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục- Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính- Vật giá, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày 01-1-2001.

Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAK LĂK

KT/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Đức Viên

Nơi nhận :
- Như điều 5,
- TTTU, TTHĐND tỉnh (B/C),
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ,
- Ban VHXH HĐND tỉnh,
- Lưu VT,VX,TM.

(QĐ/2000/Học phí)